

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0714001676	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật Cơ điện tử (CĐT)	0714002290	Vấn đáp				
3	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0714002291	Tiểu luận				
4	Lập trình PLC (ĐĐT)	0714002287	Tiểu luận				
5	Trang bị điện (ĐCN)	0714000295	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện tử cơ bản (CĐT, ĐCN, ĐĐT, TĐH)	0714001670	Tiểu luận				
2	Máy điện (ĐCN, ĐĐT)	0714002072	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T2)							
1	Cung cấp điện (ĐCN)	0713001020	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0713001365	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0211000236	Tiểu luận				
2	Điện tử cơ bản (BCN)	0211000037	Tiểu luận				
3	Điện tử công suất (ĐĐT, TĐH)	0211000039	Tiểu luận				
4	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐCN)	0211000081	Tiểu luận				
5	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0211001419	Tiểu luận				
6	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CĐT)	0211001873	Tiểu luận				
7	Lập trình PLC (CĐT, ĐĐT, TĐH, BCN)	0211001287	Tiểu luận				
8	Tính toán và sửa chữa máy điện (ĐCN)	0211001422	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Trang bị điện(ĐĐT, ĐCN)	0211000295	Tiểu luận				
10	Tự động hóa quá trình công nghệ (TĐH)	0211000212	Tiểu luận				
11	Vi xử lý (ĐĐT, TĐH)	0211000222	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Kỹ thuật bảo trì bảo dưỡng (ĐCN)	0204002727	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật chiếu sáng (ĐĐT)	0204000081	Tiểu luận				
3	Năng lượng tái tạo (ĐCN)	0204002256	Tiểu luận				
4	Quản lý tòa nhà (ĐCN)	0204002265	Tiểu luận				
5	Truyền động điện và ứng dụng (ĐĐT)	0204000209	Tiểu luận				
6	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐCN, ĐĐT)	0204000212	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Lập trình PLC (CĐT)	0201001287	Tiểu luận				
2	Trang bị điện (ĐĐT)	0201000295	Tiểu luận				
3	Vi xử lý (ĐĐT)	0201000222	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CĐT)	0220002573	Vấn đáp				
2	Kỹ thuật điều khiển khí nén (CĐT)	0220002704	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Lập trình PLC (CĐT)	0221000891	Tiểu luận				
2	Vi xử lý (CĐT)	0221000222	Tiểu luận				

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (VSL)	0714001659	Tiểu luận				
2	CAD ứng dụng chuyên ngành (VSL)	0714002218	Trên máy tính				
3	Điều hòa không khí ô tô (LĐL, KML, VSL)	0714001877	Thực hành	60'	x		
4	Kỹ thuật điều hòa không khí (LĐL, KML)	0714001930	Tiểu luận				
5	Tự động hóa hệ thống lạnh (LĐL)	0714001440	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Máy và thiết bị lạnh (CNL, LĐL, KML, VSL)	0714002135	Tiểu luận				
2	Trang bị điện hệ thống lạnh (CNL, LĐL, KML, VSL)	0714001655	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML, VSL)	0211001425	Tiểu luận				
2	CAD ứng dụng chuyên ngành (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211002218	Trên máy tính				
3	Kỹ thuật điều hòa không khí (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211000706	Tiểu luận				
4	Kỹ thuật lạnh thực phẩm (KML)	0211000087	Tiểu luận				
5	Máy và thiết bị lạnh (CNL, KML, LĐL, VSL)	0211002135	Tiểu luận				
6	Thiết kế kho lạnh (LĐL)	0211000857	Tiểu luận				
7	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (CNL)	0211002296	Tiểu luận				
8	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (LĐL)	0211002412	Tiểu luận				
9	Tính toán thiết bị trao đổi nhiệt (CNL)	0211002411	Tiểu luận				
10	Tự động hóa hệ thống lạnh (VSL)	0211001440	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Chuyên đề máy lạnh (CNL)	0204001435	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật sấy (CNL)	0204000090	Tiểu luận				
3	Lò hơi (CNL)	0204000898	Tiểu luận				
4	Nhà máy nhiệt điện (CNL)	0204002415	Tiểu luận				
5	Thiết kế kho lạnh (LĐL)	0204002725	Tiểu luận				
6	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (LĐL)	0204002726	Tiểu luận				

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: CƠ KHÍ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0714001648	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật chế tạo 1 (CKC)	0714001881	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật thủy lực - khí nén (CCK, CKC)	0714001640	Tiểu luận				
4	Lập trình CNC (CCK, CKC)	0714001639	Trên máy tính				
5	Máy cắt kim loại (CKC)	0714001652	Vấn đáp				
6	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK,CKC)	0714001641	Tiểu luận				
7	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0714001625	Tiểu luận				
8	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0714001647	Vấn đáp				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CKC, CKL)	0714001632	Tiểu luận				
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0714001077	Tiểu luận				
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén(CCK)	0201001283	Tiểu luận				
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0201001472	Tiểu luận				
3	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0201000273	Tiểu luận				
4	Tối ưu hóa quá trình cắt gọt (CCK)	0201002493	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0211000024	Tiểu luận				
2	Công nghệ chế tạo máy (CĐT)	0211001412	Tiểu luận				
3	Công nghệ khuôn mẫu 2 (CTK)	0211002584	Tiểu luận				
4	Đồ gá (CTK)	0211000052	Tiểu luận				
5	Lập trình CNC (BCN, CCK, CKL, CTM)	0211001453	Trên máy tính				
6	Lập trình CNC (CCK, CKC)	0211001232	Trên máy tính				
7	Máy cắt kim loại (CCK,CKM, CTM)	0211001234	Vấn đáp				
8	Nguyên lý - Chi tiết máy (BCN, CCK, CKL, CTM, CTK)	0211001253	Tiểu luận				
9	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0211001250	Tiểu luận				
10	Nguyên lý cắt kim loại (CCK, CTM)	0211000273	Vấn đáp				
11	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0211000141	Tiểu luận				
12	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0211001955	Trên máy tính				
13	Thiết kế khuôn cơ bản (CTK)	0211002586	Tiểu luận				
14	Trang bị điện trong hệ thống thiết bị công nghiệp (BCN)	0211001464	Vấn đáp				
15	Trang bị điện trong máy cắt kim loại (CCK, CTM, CKL)	0211000780	Vấn đáp				
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK, CKL)	0204002420	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Công nghệ khuôn mẫu (CCK)	0201002492	Tiểu luận				
2	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (CTM)	0201001283	Tiểu luận				
3	Lập trình CNC (CTM, CCK)	0201001453	Trên máy tính				
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CTM, CCK)	0201001253	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Thiết kế CAD nâng cao (CTM, CCK)	0201001956	Trên máy tính				
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Chi tiết máy (CNÔ)	0220002684	Tiểu luận				
2	Cơ ứng dụng (CĐT)	0220000026	Tiểu luận				
3	Dung sai - Kỹ thuật đo (CĐT)	0220000958	Tiểu luận				
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0220002184	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0221000141	Tiểu luận				
2	Thiết kế CAD cơ bản (CĐT)	0221001955	Trên máy tính				

K. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

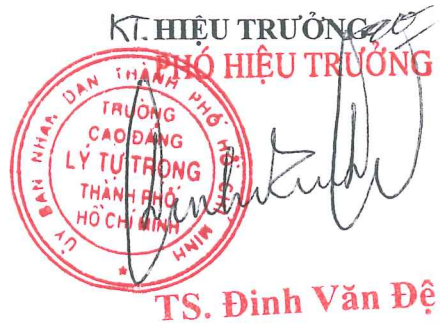
 TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: ĐỘNG LỰC**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0714001629	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điện kỹ thuật (CNÔ)	0714001359	Tiểu luận				
2	Điện tử cơ bản (CNÔ)	0714001620	Tiểu luận				
3	Hệ thống điện và điện tử Ôtô (CNÔ)	0714001621	Tiểu luận				
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0201001481	Tiểu luận				
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0201000135	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0211001475	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường (CNÔ)	0204000069	Tiểu luận				
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0204000135	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0201001475	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Bảo dưỡng định kỳ (CNÔ)	0220002689	Tiểu luận				
2	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0220002189	Tiểu luận				
3	Chẩn đoán điện 1 (CNÔ)	0220002692	Tiểu luận				
4	Chẩn đoán động cơ (CNÔ)	0220002690	Tiểu luận				
5	Chẩn đoán gầm (CNÔ)	0220002691	Tiểu luận				
6	Hệ thống điện động cơ (CNÔ)	0220002683	Tiểu luận				
7	Hệ thống điều hòa không khí (CNÔ)	0220002686	Tiểu luận				
8	Hệ thống lái (CNÔ)	0220002687	Tiểu luận				
9	Hệ thống phanh (CNÔ)	0220002685	Tiểu luận				
10	Hệ thống treo (CNÔ)	0220002688	Tiểu luận				
11	Mạng truyền thông trong ô tô 1 (CNÔ)	0220002681	Tiểu luận				
12	Trang bị điện ô tô (CNÔ)	0220002682	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0221001475	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: MAY - THỜI TRANG**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0714002331	Tiểu luận				
2	Thiết kế rập (CNM)	0714001962	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Công nghệ sản xuất may công nghiệp (CNM)	0714002127	Tự luận	90'		x	
2	May trang phục 1 (CNM)	0714001934	Thực hành	270'			
3	Nguyên phụ liệu dệt may (CNM)	0714001710	Trắc nghiệm	60'		x	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Công nghệ sản xuất may công nghiệp (CNM)	0211001526	Tiểu luận				
2	Marketing hàng may mặc (CNM)	0211002385	Tiểu luận				
3	May trang phục 2 (CNM)	0211001527	Thực hành	270'			
4	May trang phục 3 (CNM)	0211002009	Thực hành	180'			
5	Thiết kế rập (CNM)	0211001962	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Quản lý đơn hàng (CNM)	0204000136	Tiểu luận				

K. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TƯ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bảo mật hệ thống thông tin (QTM)	0714001752	Trên máy tính	90'	x		
2	Chế bản với Indesign (TKĐ)	0714001863	Tiểu luận				
3	Chuyên đề Java (LTM)	0714002309	Trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình ASP.NET (TKW)	0714002319	Trên máy tính	120'	x		
5	Lập trình Cơ sở dữ liệu (LTM, TKW)	0714001745	Trên máy tính	120'	x		
6	Mạng nâng cao (QTM)	0714000107	Trên máy tính	90'		x	
7	Quản trị mạng trên Linux (ANM, CMT, QTM)	0714001750	Trên máy tính	90'		x	
8	Sửa chữa thiết bị ngoại vi (CMT)	0714001767	Tự luận	90'		x	
9	Thiết bị mạng (ANM)	0714001243	Trên máy tính	90'		x	
10	Thiết kế đồ họa 3D với 3Dmax (TKĐ)	0714001890	Tiểu luận				
11	Thiết kế đồ họa với Corel Draw (TKĐ)	0714001884	Trên máy tính	90'		x	
12	Thiết kế Web (LTM, THU, TKW)	0714001771	Trên máy tính	120'	x		
13	Xử lý văn bản và bảng tính nâng cao (THU)	0714002328	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (ANM, CMT, QTM)	0714002076	Trên máy tính	90'	x		
2	Kỹ thuật lập trình 1 (TMĐ)	0714001067	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật lập trình 2 (ANM, QTM, CMT, ĐHĐ, LTM, TKW, THU)	0714001354	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Lập trình quản lý (THU)	0714000098	Trên máy tính	120'	x		
5	Mạng máy tính và quản trị mạng (ANM, CMT, QTM)	0714001749	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Mỹ thuật cơ bản (TKĐ)	0714001883	Tiểu luận				
7	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0714001804	Tiểu luận				
8	Phần cứng và mạng máy tính (ĐHĐ, LTM, TKW)	0714001356	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Photoshop căn bản (LTM, THU, TKW)	0714002307	Trên máy tính	90		x	
10	Thiết kế Web (TKĐ, TMĐ)	0714001771	Trên máy tính	120'	x		
11	Xử lý ảnh với Photoshop căn bản (ĐHĐ)	0714002793	Trên máy tính	90		x	

2020 CAO ĐẲNG (C1)

1	Cấu trúc dữ liệu & giải thuật (LTM, TKW)	0211002033	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật in (TKĐ)	0211002440	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật lập trình (ĐHĐ)	0211000943	Tự luận	90'		x	
4	Kỹ thuật truyền thông và số liệu (CMT, QTM)	0211002124	Tự luận	90'		x	
5	Lập trình ASP.NET căn bản (TKW)	0211002663	Trên máy tính	120'	x		
6	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0211001518	Trên máy tính	120'	x		
7	Lập trình hướng đối tượng (LTM, TKW)	0211000096	Trên máy tính	120'	x		
8	Lập trình mạng căn bản (LTM)	0211002659	Trên máy tính	120'	x		
9	Lập trình PHP căn bản (TKW)	0211002662	Tiểu luận				
10	Lập trình Windows (LTM, TKW)	0211000099	Trên máy tính	120'	x		
11	Mỹ thuật cơ bản (TKĐ, ĐHĐ)	0211001810	Tiểu luận				
12	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0211001857	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
13	Quản trị mạng nâng cao trên Linux (QTM)	0211001486	Trên máy tính	90'		x	
14	Quản trị mạng trên Linux (CMT, QTM)	0211001482	Trên máy tính	90'		x	
15	Sửa chữa máy tính (CMT)	0211001498	Tự luận	90'		x	
16	Thiết bị mạng (CMT, QTM)	0211001243	Trên máy tính	90'		x	
17	Thiết kế đồ họa 3D với 3Dmax (TKĐ, ĐHĐ)	0211001890	Tiểu luận				
18	Thiết kế đồ họa với Illustrator (ĐHĐ)	0211001811	Trên máy tính				
19	Thiết kế quảng cáo (TKĐ)	0211002248	Tiểu luận				
20	Thiết kế sự kiện (ĐHĐ)	0211002670	Tiểu luận				
21	Thiết kế Web (CMT, TKW, ĐHĐ, QTM)	0211001818	Trên máy tính	120'	x		
22	Thiết kế Web (LTM)	0211002093	Tiểu luận				
23	Thiết kế Web (TKĐ)	0211001342	Trên máy tính	120'	x		
24	Thiết lập hệ thống mạng (CMT, QTM)	0211000153	Trên máy tính	90'		x	
25	Tin học (CNL, KML, LĐL, VSL, CNÔ, NNA)	0211002028	Trên máy tính	90'		x	
26	XML (LTM)	0211000224	Tiểu luận				
27	Xử lý ảnh với Photoshop nâng cao (TKĐ)	0211001859	Tiểu luận				

2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)

1	Cấu hình mạng (CMT)	0204002123	Trên máy tính	90'		x	
2	Dựng video (THU)	0204002730	Tiểu luận				
3	Kiểm thử phần mềm (THU)	0204002728	Tiểu luận				
4	Kỹ thuật SEO Web (LTM)	0204002734	Tiểu luận				
5	Lập trình ASP.NET nâng cao (TKW)	0204002664	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Lập trình cơ sở dữ liệu (THU)	0204000095	Trên máy tính	120'	x		
7	Lập trình mạng (QTM)	0204002482	Trên máy tính	90'	x		
8	Lập trình mạng nâng cao (LTM, TKW)	0204002733	Tiểu luận				
9	Lập trình trên thiết bị di động (LTM)	0204001496	Tiểu luận				
10	Phát triển ứng dụng IoT (CMT)	0204002425	Trên máy tính	90'	x		
11	Thiết kế Web (QTM, CMT)	0204001342	Tiểu luận				
12	Thiết kế web nâng cao (TKW)	0204001860	Tiểu luận				
13	Xây dựng hạ tầng mạng (QTM)	0204002484	Trên máy tính	90'		x	
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tin học (CNÔ)	0201002028	Trên máy tính	90'	x		
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Tin học (CNÔ, CĐT)	0221002028	Trên máy tính	90'	x		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022**
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0714002353	Tiểu luận				
2	Kế toán quản trị (KTD)	0714002340	Tiểu luận				
3	Kế toán thương mại dịch vụ (KTD)	0714001735	Tiểu luận				
4	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0714002832	Tiểu luận				
5	Nghiệp vụ ngân hàng (TCD)	0714002358	Tiểu luận				
6	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0714002835	Tiểu luận				
7	Quản trị tài chính (KTD)	0714002043	Tiểu luận				
8	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0714002834	Tiểu luận				
9	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0714002833	Tiểu luận				
10	Tài chính công (KTD)	0714002341	Tiểu luận				
11	Tài chính quốc tế (TCD)	0714002359	Tiểu luận				
12	Thị trường chứng khoán (TCD)	0714002343	Tiểu luận				
13	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD, TCD)	0714002346	Tiểu luận				
14	Vận tải đa phương thức (LGT)	0714002354	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QNH)	0714002737	Tiểu luận				
2	Điều hành vận tải (LGT)	0714002350	Tiểu luận				
3	Hành vi tổ chức (QTD)	0714001720	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Kế toán doanh nghiệp 1 (KTD)	0714002224	Tiểu luận				
5	Kinh tế vi mô (QTD, TCD)	0714001721	Tiểu luận				
6	Luật kinh doanh (KTD)	0714001836	Tiểu luận				
7	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0714002041	Tiểu luận				
8	Nghiệp vụ lễ tân (QKS, QDL)	0714002743	Tiểu luận				
9	Nghiệp vụ lễ hành (QLH)	0714002777	Tiểu luận				
10	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (KTD)	0714002339	Tiểu luận				
11	Nghiệp vụ nhà hàng (QNH)	0714002736	Tiểu luận				
12	Nghiệp vụ tổ chức du lịch Mice (QDL)	0714002773	Tiểu luận				
13	Nghiệp vụ tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo (QKS)	0714002562	Tiểu luận				
14	Nghiệp vụ văn phòng (QDL)	0714002280	Tiểu luận				
15	Nguyên lý kế toán (QTD)	0714002022	Tiểu luận				
16	Quản lý chất lượng (KLB)	0714002597	Tiểu luận				
17	Quản lý chất lượng dịch vụ (QLH)	0714002781	Tiểu luận				
18	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0714002349	Tiểu luận				
19	Quản trị kinh doanh lễ hành (QDL, QLH)	0714002765	Tiểu luận				
20	Tài chính – tiền tệ (KTD)	0714002023	Tiểu luận				
21	Tài chính doanh nghiệp 1 (TCD)	0714001898	Tiểu luận				
22	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0714002278	Tiểu luận				
23	Thanh toán quốc tế (LGT)	0714002044	Tiểu luận				
24	Thống kê doanh nghiệp (TCD)	0714001537	Tiểu luận				
25	Thương mại điện tử (KTD)	0714002083	Tiểu luận				
26	Tổ chức hoạt náo (QLH)	0714002782	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
27	Tổ chức sự kiện (QNH)	0714002534	Tiểu luận				
28	Văn hóa ẩm thực (KLB, QKS)	0714002536	Tiểu luận				
29	Xây dựng thực đơn (QNH)	0714002566	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Bán lẻ điện tử (TMĐ)	0211002838	Tiểu luận				
2	Đầu tư tài chính (TCD)	0211002630	Tiểu luận				
3	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0211002353	Tiểu luận				
4	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0211002836	Tiểu luận				
5	Kế toán chi phí (KTD)	0211002444	Tiểu luận				
6	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0211001536	Tiểu luận				
7	Kế toán doanh nghiệp 2 (KTD)	0211002229	Tiểu luận				
8	Khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử (TMĐ)	0211002832	Tiểu luận				
9	Marketing điện tử (TMĐ)	0211000550	Tiểu luận				
10	Nghiệp vụ đặt bàn và phục vụ bữa ăn Âu (QNH)	0211002647	Tiểu luận				
11	Nghiệp vụ ngoại thương (LGT)	0211002459	Tiểu luận				
12	Nghiệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0211002636	Tiểu luận				
13	Nghiệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0211002648	Tiểu luận				
14	Phát triển sản phẩm mới (KLB)	0211002595	Tiểu luận				
15	Quản trị buồng khách sạn (QKS)	0211002637	Tiểu luận				
16	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu (LGT)	0211002349	Tiểu luận				
17	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0211002454	Tiểu luận				
18	Quản trị khu du lịch (QNH)	0211002649	Tiểu luận				
19	Quản trị Marketing (QTD)	0211002451	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
20	Quản trị tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0211001544	Tiểu luận				
21	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0211002452	Tiểu luận				
22	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0211002834	Tiểu luận				
23	Quản trị thương mại điện tử (TMĐ)	0211002833	Tiểu luận				
24	Quản trị tiền sảnh (QKS)	0211002639	Tiểu luận				
25	Quản trị văn phòng (QTD)	0211002453	Tiểu luận				
26	Tài chính công (TCD)	0211002341	Tiểu luận				
27	Tài chính doanh nghiệp 1 (TCD)	0211002223	Tiểu luận				
28	Tâm lý kinh doanh (KTD)	0211002049	Tiểu luận				
29	Thị trường chứng khoán (KTD, TCD)	0211002343	Tiểu luận				
30	Thị trường tài chính (KTD)	0211002446	Tiểu luận				

2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)

1	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	0204002485	Tiểu luận				
2	Kế toán trên phần mềm Misa (KTD)	0204002486	Tiểu luận				
3	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0204002490	Tiểu luận				
4	Quản trị chất lượng (QTD)	0204002458	Tiểu luận				
5	Quản trị tài nguyên nhân sự (QTD)	0204002488	Tiểu luận				
6	Thanh toán quốc tế (KTD)	0204002044	Tiểu luận				
7	Thị trường tài chính (KTD)	0204002487	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hóa học 3	0714001615	Tiểu luận				
2	Tiếng Anh 1 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, CCK, CKC, ANM, CNÔ, CMT, LTM, QTM, CNM, KTD, KXD, LGT, QTD, TCD, THU, TKĐ, TKW, VSL)	0714002071	Vấn đáp				
3	Tiếng Anh Thư điện tử (NNA)	0714001706	Vấn đáp				
4	Tiếng Hoa (NNA)	0714002372	Vấn đáp				
5	Toán 5	0714001617	Vấn đáp				
6	Vật lý 4 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, LĐL, KML, VSL, CCK,CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM,THU, TKW, CNM, KTD, KXD, LGT, NNA,TKĐ, TMĐ)	0714001616	Vấn đáp				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa lý 2 (QDL, QLH)	0714002753	Vấn đáp				
2	Độc (NNA)	0714001697	Vấn đáp				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
3	Hóa học 1 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CKL, CMT, CNM, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐDT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, LĐL, LGT, LTM, NNA, QKS, QNH, TCD, QTM, QTD, TCD, ĐHĐ, TKĐ, TKW, TMĐ, VSL)	0714001608	Tiểu luận				
4	Hóa học 1 (QDL, QLH)	0714002749	Tiểu luận				
5	Ngữ Văn 3	0714001610	Vấn đáp				
6	Ngữ Văn 3 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CKL, CMT, CNM, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐDT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, LĐL, LGT, LTM, NNA, QKS, QNH, TCD, QTM, QTD, TCD, ĐHĐ, TKĐ, TKW, TMĐ, VSL)	0714001610	Vấn đáp				
7	Ngữ Văn 3 (QDL, QLH)	0714002752	Vấn đáp				
8	Nói (NNA)	0714001699	Vấn đáp				
9	Phát âm (NNA)	0714002506	Vấn đáp				
10	Toán 3 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CKL, CMT, CNM, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐDT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, LĐL, LGT, LTM, NNA, QKS, QNH, TCD, QTM, QTD, TCD, ĐHĐ, TKĐ, TKW, TMĐ, VSL)	0714001607	Vấn đáp				
11	Toán 3 (QLD, QLH)	0714002751	Vấn đáp				
12	Vật lý 2 (ANM, CCK, CĐT, CKC, CKL, CMT, CNM, CNM, CNÔ, ĐCN, ĐDT, ĐHĐ, KLB, KML, KTD, LĐL, LGT, LTM, NNA, QKS, QNH, TCD, QTM, QTD, TCD, ĐHĐ, TKĐ, TKW, TMĐ, VSL)	0714001609	Vấn đáp				
13	Vật Lý 2 (QDL, QLH)	0714002750	Vấn đáp				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tiếng Anh 4 (CNÔ, CCK)	0201002495	Vấn đáp				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Ngữ âm và âm vị học (NNA)	0211000969	Vấn đáp				
2	Tiếng Anh 1 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, BCN, CCK, CKL, CTK, CTM, QXD, KXD, CNM, KLB, KTD, QTD, TCD, LGT, QKS, QNH)	0211002027	Vấn đáp				
3	Tiếng Anh 2 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, BCN, CCK, CKL, CTK, CTM, QXD, KXD, KLB, KTD, QTD, LGT, QKS, QNH)	0211002254	Vấn đáp				
4	Tiếng Anh 3 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, BCN, CCK, CKL, CTK, CTM, QXD, KXD, CNM, KLB, KTD, QTD, TCD, LGT, QKS, QNH)	0211002259	Vấn đáp				
5	Tiếng Hoa (NNA)	0211002473	Vấn đáp				
2020 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2)							
1	Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa (NNA)	0204002724	Tiểu luận				
2	Tiếng Anh Kinh doanh nâng cao (NNA)	0204002723	Tiểu luận				
3	Tiếng Anh Logistics	0204002621	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ, ĐĐT, CTM, CCK)	0201002027	Vấn đáp				
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ, ĐĐT, CTM, CCK)	0201002254	Vấn đáp				
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ, ĐĐT, CTM, CCK)	0201002259	Vấn đáp				
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ, ĐĐT, CTM, CCK)	0201002495	Vấn đáp				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ, CĐT)	0221002027	Vấn đáp				
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ, CĐT)	0221002254	Vấn đáp				
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ, CĐT)	0221002259	Vấn đáp				
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ, CĐT)	0221002495	Vấn đáp				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (CCK)	0201002396	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Pháp luật (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, CNL, KML, LĐL, VSL, NNA, QXD, KXD, KTD, QTD, TCD, LGT, QKS, QNH, TMĐ)	0211002396	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC (C3)							
1	Pháp luật (ĐĐT)	0201002396	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (C6)							
1	Pháp luật (CĐT)	0221002396	Tiểu luận				

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 1/2021-2022
Khoa: XÂY DỰNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kết cấu bê tông - cốt thép (KXD)	0714002375	Tiểu luận				
2	Kết cấu thép (KXD)	0714002380	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0714002098	Tiểu luận				
2	Kiến trúc công trình (KXD)	0714002177	Tiểu luận				
3	Kỹ thuật thi công (KXD)	0714002374	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Định giá và quản lý chi phí dự án xây dựng (QXD)	0211002613	Tiểu luận				
2	Kết cấu bê tông - cốt thép 1 (QXD)	0211002239	Tiểu luận				
3	Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)	0211001841	Tiểu luận				
4	Kết cấu thép (KXD)	0211002380	Tiểu luận				
5	Kiến trúc công trình (QXD)	0211002063	Tiểu luận				
6	Kỹ thuật thi công (KXD)	0211002374	Tiểu luận				
7	Thiết kế kiến trúc (KXD)	0211002108	Tiểu luận				
8	Vật liệu xây dựng (KXD)	0211001803	Vấn đáp				

K. HIỆU TRƯỞNG
PH. HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

